

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Công nghệ thông tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Vũ Văn Hiệu**

2. Ngày tháng năm sinh: 03/3/1976; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): thôn Vũ Vị, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Vũ Văn Hiệu, Phòng 315, nhà A3, Viện Công nghệ thông tin, 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0975482486; E-mail:

vvhieus@ioit.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 10/2003 đến tháng, năm: 9/2009: Giảng viên, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Từ tháng, năm: 10/2009 đến tháng, năm: 5/2018: Giảng viên, Trường Đại học Hải Phòng.

Từ tháng, năm: 10/2018 đến tháng, năm: 10/2020: Giảng viên, Trường Đại học Hạ Long.

Từ tháng, năm: 10/2020 đến tháng, năm: 12/2020: Giảng viên, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Từ tháng, năm: 01/2021 đến nay: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Nghiên cứu viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Nghiên cứu viên.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Nhà A3, số 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024-38362136

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Khoa học và Công nghệ; Trường Đại học FPT; Trường Đại học Hòa Bình, Học viện Chính sách và Phát triển.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Khoa học và Công nghệ; Trường Đại học FPT; Trường Đại học Hòa Bình; Học viện chính sách và Phát triển.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 9 năm 2003; số văn bằng: 536318; ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 8 năm 2007; số văn bằng: 0030508; ngành: Kỹ thuật; chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 11 năm 2017; số văn bằng: 127/TS; ngành: Toán học; chuyên ngành: Cơ sở toán học cho tin học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:.....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu và phát triển hệ thống tra cứu ảnh y tế dựa trên nội dung (Content-Based Image Retrieval – CBIR) sử dụng học sâu và phân cụm mờ.

- Xây dựng mô hình dự đoán và phân loại hành vi rời bỏ dịch vụ của khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng và viễn thông, tích hợp khả năng giải thích (XAI).

- Ứng dụng học sâu và đặc trưng lai trong chẩn đoán và phân loại các bệnh da liễu như ung thư da, viêm da cơ địa và viêm da tiếp xúc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS; Đang hướng dẫn 02 NCS;

- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt

Nam, chủ nhiệm 03 đề tài cấp Viện công nghệ thông tin;

- Đã công bố 43 bài báo trong các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế, trong đó 02 bài báo trong tạp chí Neural Computing and Applications (SCOPUS, IF = 1.102); 02 bài báo trong tạp chí Multimedia Tools and Applications (SCOPUS, IF = 0.777); 01 bài báo trong Biomedical Signal Processing and Control (SCI-E, IF = 1.229); 01 bài báo trong tạp chí Cybernetics and Information Technologies (SCOPUS, IF = 0.358); 01 bài báo trong tạp chí Journal of Electronic Imaging (SCI-E, IF = 0.254); 01 bài báo trong tạp chí Operations Research Forum (SCOPUS, IF = 0.403); 03 bài báo thuộc tạp chí Tin học và điều khiển học; 04 bài báo trong Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT của Bộ Thông tin & Truyền thông; 05 bài báo trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế; còn lại là các bài báo trên Kỷ yếu hội thảo quốc gia (FAIR và @)

- Chỉ số H của ứng viên: 5.

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Viện công nghệ thông tin (Năm 2023, 2024).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1) Có đủ tiêu chuẩn nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Tôi được đào tạo chính quy theo các bậc trình độ trong nước: bậc đại học tại Trường Đại học Dân lập Hải Phòng (nay là Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng), bậc Thạc sĩ tại Học viện Kỹ thuật Quân sự, và bậc Tiến sĩ tại Học viện Khoa học và Công nghệ – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Trong quá trình công tác, tôi luôn đảm nhiệm các nhiệm vụ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực và sở trường được đào tạo. Tôi bắt đầu tham gia giảng dạy ở bậc đại học từ năm 2009 và chính thức tham gia đào tạo sau đại học từ năm 2020.

- Tôi đã tích cực thực hiện và tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên môn đào tạo và định hướng phát triển. Đến nay, tôi đã chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu các cấp, trong đó đáng chú ý là việc chủ nhiệm 01 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (đã được nghiệm thu đúng tiến độ) và 03 đề tài nghiên cứu cơ sở cấp Viện Công nghệ Thông tin. Các kết quả nghiên cứu đã được công bố rộng rãi thông qua 43 bài báo trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Trong số đó, có 02 bài báo thuộc danh mục SCI-E, 06 bài báo thuộc danh mục SCOPUS, 02 bài đăng trên Tạp chí Tin học và Điều khiển học, 04 bài đăng trên Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT của Bộ Thông tin và Truyền thông, 05 bài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện và các bài còn lại được đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia chuyên ngành.

- Tôi đã tổ chức định kỳ các buổi seminar khoa học tại đơn vị chuyên môn, với sự tham gia tích cực của nghiên cứu sinh và học viên cao học. Các buổi seminar không chỉ là diễn đàn trao đổi học thuật mà còn là môi trường thúc đẩy tư duy nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm triển khai đề tài, đồng thời góp phần hình thành và phát triển các hướng nghiên cứu phù hợp để công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín.

- Luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi nhiệm vụ được giao và không ngừng nỗ lực hoàn thiện bản thân trong vai trò của một nhà giáo, nhà khoa học. Tôi dành tâm huyết cho công tác giảng dạy và hướng dẫn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh không chỉ trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học mà còn trong các hoạt động chuyên môn, góp phần xây dựng môi trường học thuật nghiêm túc và hiệu quả.

2) Luôn giữ thái độ trung thực, khách quan trong hoạt động chuyên môn; tích cực hợp tác với các đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Tôi đề cao tinh thần cầu thị, sẵn sàng lắng nghe và học hỏi từ các đồng nghiệp có kinh nghiệm, đồng thời chủ động hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm và đồng hành cùng các giảng viên, nhà nghiên cứu trẻ trong quá trình phát triển chuyên môn.

3) Đã được cấp bằng Tiến sĩ trên 07 năm với chuyên ngành phù hợp với ngành chuyên môn đăng ký xét chức danh Phó Giáo sư. Trong suốt quá trình công tác, tôi luôn nỗ lực trau dồi chuyên môn và cập nhật tri thức mới thông qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động học thuật. Tôi đã gửi bài và tham gia với vai trò thành viên ban tổ chức, ban chương trình tại nhiều hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; đồng thời đảm nhiệm vai trò phản biện cho các tạp chí chuyên ngành và hội thảo học thuật có uy tín ở cả trong và ngoài nước.

4) Có đủ số công trình quy đổi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5) Tôi đã tham gia phản biện nhiều bài báo khoa học cho các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Trong nước, tôi là phản biện của Tạp chí Tin học và Điều khiển học. Trên bình diện quốc tế, tôi đã thực hiện phản biện cho nhiều tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus có uy tín như Clinical and Experimental Medicine, npj Digital Medicine, Cluster Computing, Knowledge and Information Systems, Artificial Intelligence Review, Operations Research Forum, Signal, Image and Video Processing, Biomedical Signal Processing and Control, Environmental Science and Pollution Research International, và International Journal of System Assurance Engineering and Management. Việc tham gia phản biện là cơ hội để tôi cập nhật xu hướng nghiên cứu mới, đồng thời đóng góp vào việc đảm bảo chất lượng học thuật trong cộng đồng khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019					285		285/285/135
2	2019-2020					435		435/435/135
3	2020-2021		01			519	108,2	627,2/643,9/135
4	2021-2022		01				91,5	91,5/108,2/135
03 năm học cuối								
5	2022-2023		01			378	101,3	479,3/496/135
6	2023-2024		01	02		663	146,3	809,3/966/135
7	2024-2025	01				270		270/320/135

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm...

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Trang	x			x	12/2020 đến 2024	Học viện Khoa học và Công nghệ	Chưa bảo vệ
2	Đặng Trần	x		x		6/2024 đến	Học viện	Đang thực

	Long					2028	Khoa học và Công nghệ	hiện
3	Dặng Anh Tuấn		x	x		3/2024 đến 9/2024	Học viện Khoa học và Công nghệ	02/01/2025 (Quyết định cấp bằng)
4	Đỗ Minh Tuấn		x	x		3/2024 đến 2024	Học viện Khoa học và Công nghệ	02/01/2025 (Quyết định cấp bằng)
5	Tạ Quang Hiếu		x	x		3/2024 đến 9/2024	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	30/9/2024 (Ngày cấp bằng)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Phân tích dữ liệu với Power BI	TK	Nhà Xuất bản Thanh Niên	3	Vũ Văn Hiệu	Từ trang 73 đến trang 266	
2	Python và ứng dụng lập trình web	TK	Nhà Xuất bản Thanh Niên	4	Vũ Văn Hiệu	Từ trang 87 đến trang 320	
3	Khoa học dữ liệu với Python	TK	Nhà Xuất bản Thanh Niên	4	Vũ Văn Hiệu	Từ trang 229 đến trang 414	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu phương pháp nâng cao độ chính xác giám sát người với nhiều camera dựa trên xác thực mặt người và thuật toán Mean Shift cải tiến	Chủ nhiệm	CS21.13, 2021, Viện Công nghệ thông tin	01.2021 – 12.2021	Nghiệm thu ngày 28 tháng 12 năm 2021/80,6 điểm

2	Nghiên cứu áp dụng mô hình học sâu vào trích chọn đặc trưng và phân hồi liên quan để nâng cao hiệu quả tra cứu ảnh nhãn hiệu	Chủ nhiệm	CS22.02, Viện Công nghệ thông tin	01.2022-12.2022	Nghiệm thu ngày 30 tháng 12 năm 2022/82 điểm
3	Nghiên cứu phát triển mô hình học sâu hỗ trợ chẩn đoán bệnh viêm da cơ địa.	Chủ nhiệm	CSCL03.02/23-24, Viện Công nghệ thông tin	01.2023-12.2024	Nghiệm thu ngày 25 tháng 11 năm 2024/ Đạt
4	Nghiên cứu một số phương pháp tổng hợp hình ảnh y học và ứng dụng.	Chủ nhiệm	VAST01.09/23-24, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	01.2023 – 12.2024	Nghiệm thu ngày 24 tháng 12 năm 2024/ 84,6 điểm

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Formalizing and checking web service discovery models using B.	03	Không	Tạp chí Tin học và Điều khiển học DOI: https://doi.org/10.15625/1813-9663/28/1/1068			V.28, N.1, 76-87	6,2012
2	Content based image retrieval with bin of color histogram	03	Có	International Conference on Audio, Language and Image Processing, Shanghai, China, 2012, pp. 20-25, doi: 10.1109/ICALIP.2012.6376580		8	20-25	6,2012

3	Fine-tuning SIMPLE based Content Based Image Retrieval system	04	Có	SoICT '15: Proceedings of the 6th International Symposium on Information and Communication Technology. https://doi.org/10.1145/2833258.2833273			231 - 238	6,2015
4	Khai phá thông tin phân đoạn ảnh cải thiện hệ thống tra cứu ảnh sử dụng phương pháp SIMPLE	03	x	Hội thảo quốc gia lần thứ XVIII, Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật			112- 117	11,2015
5	An Image Retrieval Method Using Homogeneous Region and Relevance Feedback	02	Có	International Journal of Signal Processing Systems, Vol. 3, No. 1, pp. 14-18, June 2015. doi: 10.12720/ijsp.3.1.14- 18			Vol. 3, No. 1, pp. 14-18	6,2015
6	Một phương pháp tra cứu ảnh dựa vào độ tương tự nhận thức	03	Có	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR); Hà Nội, ngày 9-10/7/2015. DOI: 10.15625/vap.2015.000 181			461- 466	7,2015
7	Phương pháp tra cứu ảnh theo nội dung sử dụng SVD kết hợp đặc trưng Haar	05	Có	Hội thảo quốc gia lần thứ XVIII, Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.			262- 271	11,2015
8	Phương pháp tra cứu ảnh theo nội dung hiệu quả bằng kỹ thuật phân cụm mờ C-means và phân hồi liên quan	01	Có	Tạp chí khoa học Trường Đại Học Hải Phòng. ISSN 1859- 2368.			Vol.3 , No.8, pp. 72-80	01,2015

9	Một phương pháp mới chuẩn hoá dữ liệu và hiệu chỉnh trọng số cho tổ hợp đặc trưng trong tra cứu ảnh theo nội dung	04	Có	Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông, ISSN 1859-3526 DOI: https://doi.org/10.32913/mic-ict-research-vn.v1.n35.222			Tập V-1, số 15 (35)	6,2016
10	Tăng cường thuật toán AdaBoost bằng cách sử dụng tập Pareto trong ứng dụng tra cứu ảnh dựa vào nội dung	04	Có	Hội thảo quốc gia lần thứ XIX, Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.			348-354	10,2016
11	Tra cứu ảnh theo nội dung sử dụng tập Pareto và mô hình học thống kê CART	04	Có	Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT-TT.			Tập V-2, số 16 (36)	12,2016
12	Content based image retrieval using multiple features and Pareto approach	04	Có	Tạp chí Tin học và Điều khiển DOI: https://doi.org/10.15625/1813-9663/32/2/8611	1		Tập V.32, N.2, p169-187	12,2016
II Sau khi được công nhận TS								
13	Improving Cassification Engine in Content based Image Retrieval by Multi-point Queries via Pareto Approach	04	Có	Informatics and Mathematical Sciences. https://doi.org/10.26713/jims.v10i1-2.456			10(1-2), 93-108.	8,2018
14	Cải tiến lược đồ Camshift trong OpenCV	03	Không	Hội nghị Quốc gia lần thứ 23 về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin (REV-ECIT2020)			313-315	12,2020
15	Phát triển ứng dụng đối sánh ảnh mặt người sử dụng kỹ thuật học sâu thông	05	Không	Hội thảo quốc gia lần thứ XXIV, Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và			426-432	12,2021

	qua đặc trưng HOG			truyền thông, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 12/2021.				
16	Nâng cao hiệu quả tra cứu ảnh nhân hiệu sử dụng cây quyết định và phân hồi liên quan	04	Có	Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT & TT. DOI: 10.32913/mic-ict-research-vn.v2021.n2.1012				11,2021
17	Phát triển hệ thống IoT kiểm soát tự động chất lượng nước nuôi trồng thủy sản	06	Không	Hội thảo quốc gia lần thứ XXIV: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông – Thái Nguyên, 13-14/12/2021			420-425	12,2021
18	Nâng cao hiệu quả tra cứu ảnh nhân hiệu sử dụng cây quyết định và phân hồi liên quan	04	Có	Hội thảo quốc gia lần thứ XXIV: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông – Thái Nguyên, 13-14/12/2021				2021
19	Ứng dụng phân lớp dữ liệu trong dự đoán khách hàng rời bỏ dịch vụ tại ngân hàng thương mại	02	Có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học công nghệ Quốc gia lần thứ XV về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR); DOI: 10.15625/vap.2022.0224			196-202	11,2021
20	Một kỹ thuật định vị trong nhà bằng WiFi hiệu quả sử dụng học máy kết hợp	02	Có	Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông DOI: 10.32913/mic-ict-research-vn.v2022.n2.1124			Tập 2022, Số 2, pp.65-72	11,2022

21	Nâng hiệu quả dự báo khách hàng rời bỏ dịch vụ sử dụng kỹ thuật học tổ hợp và học sâu	02	Có	Hội thảo Quốc gia lần thứ XXV "Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông"				12,2022
22	Một kỹ thuật chuẩn đoán bệnh viêm da cơ địa sử dụng mạng học sâu	02	Có	Hội thảo Quốc gia lần thứ XXV "Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông"				12,2022
23	Two-Phase Combined Model to Improve the Accuracy of Indoor Location Fingerprinting	03	Có	Tạp chí Tin học và Điều khiển. DOI: https://doi.org/10.15625/1813-9663/38/4/1759 .			vol. 38, no. 4, p. 377–403	12,2022
24	Một kỹ thuật gia tăng dữ liệu sử dụng học sâu cải thiện chẩn đoán sớm ung thư da ở Việt Nam	01	Có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học công nghệ Quốc gia lần thứ XVI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR); DOI: 10.15625/vap.2023.0023			70-79	9,2023
25	Nâng cao hiệu quả định vị trong nhà sử dụng mạng học sâu kết hợp	03	Có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học công nghệ Quốc gia lần thứ XVI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR); DOI: 10.15625/vap.2023.0105			725-732	9,2023
26	Kỹ thuật kết hợp mạng neuron tích chập cải thiện chuẩn đoán sớm một số bệnh ung thư da ở Việt Nam	02	Có	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVI: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông				10,2023
27	Cải thiện tra cứu ảnh y tế sử dụng khoảng	02	Có	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVI: Một				10,2023

	cách ngữ nghĩa dựa vào mạng học sâu Siamese			số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông				
28	Detection and Diagnosis of Atopic Dermatitis Using Deep Learning Network	03	Có	Intelligent Systems and Networks. ICISN 2023. Lecture Notes in Networks and Systems, vol 752. Springer, Singapore. https://doi.org/10.1007/978-981-99-4725-6_19	Scopus (Q4)		138-147	8,2023
29	Content-based image retrieval with fuzzy clustering for feature vector normalization	01	Có	Multimedia Tools and Applications (2023): 1-21. https://doi.org/10.1007/s11042-023-15215-1 , 83, 4309–4329 (Scopus, Q1)	Scopus (IF=3, Q1)	09	Volume 83, Issue 2, Pages 4309 - 4329	5,2023
30	Hybrid Feature Fusion: Enhancing Scene Image Classification with Handcrafted and Deep Learning Approaches	03	Không	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học công nghệ Quốc gia lần thứ XVII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR); DOI: 10.15625/vap.2024.0226			371-378	8,2024
31	Enhancing Fruit Ripeness Detection and Classification Using YOLOv9 and Convolutional Neural Networks	04	Có	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVII: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông				10,2024
32	Ensemble Deep Learning Models for Enhanced Skin Lesion Diagnosis Using the HAM10000 Dataset	03	Có	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVII: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông.				10,2024

33	Enhancing Insulator Defect Detection Using YOLOv9 with Rank-Based SMOTE for Imbalanced UAV-Captured Data	04	Có	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVII: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông.				10,2024
34	Innovative Stacking Model for Enhanced Telecom Churn Prediction.	03	Không	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVII: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông – Nha Trang, 10-11/10/2024.				10,2024
35	Tổng hợp hình ảnh y học dựa trên giải thuật MFO và PCNN	04	Không	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXVII: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông – Nha Trang, 10-11/10/2024.				10,2024
36	Predict customer churn using combination deep learning networks model	01	Có	Neural Computing and Applications (2023): 1-17. https://doi.org/10.1007/s00521-023-09327-w 36, 4867-4883	Scopus (Q1, IF = 5.102)	10	Volume 36, pages 4867 – 4883	12,2023
37	A new approach to medical image fusion based on the improved Extended Difference-of-Gaussians combined with the Coati optimization algorithm	04	Không	Biomedical Signal Processing and Control. https://doi.org/10.1016/j.bspc.2024.106175	SCI-E/ISI (Q1, IF = 4.9)	10		7,2024
38	Enhancing Telecom Churn Prediction Using an Advanced Stacking Model	03	Không	Advances in Information and Communication Technology. ICTA 2024. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus (Q4)			12,2024

				vol 1205. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-031-80943-9_11				
39	Multi-Level Machine Learning Model to Improve the Effectiveness of Predicting Customers Churn Banks	02	Có	Cybernetics and Information Technologies https://doi.org/10.2478/cait-2024-0022	Scopus (Q2).	2	Volume 24, Issue 3, Pages 3 - 20	9,2024
40	An Efficient Customer Churn Prediction Technique Using Combined Machine Learning in Commercial Banks	01	Có	Operations Research Forum (2024) 5:66 https://doi.org/10.1007/s43069-024-00345-5	(Scopus/ Q2, IF= 0.657)	5	Volume 5	7,2024
41	Hybrid feature integration for enhanced atopic dermatitis diagnosis using multi-ResNet transformer models	01	Có	Journal of Electronic Imaging, Vol. 33, Issue 6, 063039 https://doi.org/10.1117/1.JEI.33.6.063039	SCI-E (Q3, IF=1.0)		Vol. 33, Issue 6	12,2024
42	A deep learning method combined with clustering to support the diagnosis of atopic dermatitis and contact dermatitis in Vietnam.	01	Có	Neural Comput & Applic (2025). https://doi.org/10.1007/s00521-025-11111-x	Scopus (Q1)		Volume 37, pages 9911–9935	3,2025
43	The two-phases model combining Siamese network and clustering improves semantic distance in medical image retrieval	02	Có	Multimedia Tools and Applications https://doi.org/10.1007/s11042-025-20774-6	Scopus (IF=3, Q1)		Volume 37, pages 9911–9935	3,2025

- Trong đó: 07 bài báo (29, 36, 39, 40, 41, 42, 43) khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không có

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Văn Hiệu